

UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 443/QĐ-THCSĐM

Đông Mai, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Phê duyệt điều chỉnh phương án tự chủ tài chính giai
đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và
trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐÔNG MAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài
chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày
15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự
toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7962/QĐ-UBND của UBND TX Quảng Yên ngày
13/12/2024“ V/v Phê duyệt điều chỉnh phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-
2025 đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và trung học cơ sở
công lập trên địa bàn thị xã”;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường THCS Đông Mai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết định số 7962/QĐ-UBND của UBND TX
Quảng Yên ngày 13/12/2024“ V/v Phê duyệt điều chỉnh phương án tự chủ tài chính
giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và
trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng nhà trường, các bộ phận, phòng ban liên quan tổ chức thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Phòng GD&ĐT;
- Văn phòng;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thanh Mai

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025
đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung
học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định mức đóng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026; Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số

65/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; Nghị quyết số 136/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Công văn số 3559/UBND-VHXXH ngày 10/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai đề án tự chủ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2929/SNV-TCBC ngày 13/12/2024 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh Đề án tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân các thị xã, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 1105/QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Thị ủy Quảng Yên về việc điều chỉnh, giao bổ sung số người làm việc, hợp đồng lao động cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã (cấp Mầm non, Tiểu học, THCS) năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên: Quyết định số 10642/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 về việc điều chỉnh giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 về việc điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã; Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính-kế hoạch tại Tờ trình số 405/TTr-TCKH ngày 13/12/2024; Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã tại Tờ trình số 1336/TTr-PGDĐT ngày 13/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với 55 trường học thuộc các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã, như sau: Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4), là đơn vị có mức tự đảm bảo dưới 10% đối với 55 trường học (gồm: 19 trường Mầm non, 16 trường Tiểu học, 15 trường trung học cơ sở, 05 trường Tiểu học và Trung học cơ sở).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Quyết định này thay thế Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã và áp dụng từ ngày ký.

- Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã tổ chức triển khai điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính được phê duyệt tại Điều 1 đến 55 trường học theo đúng quy định của Nhà nước.

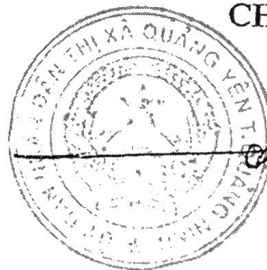
- Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định, Hiệu trưởng các trường học triển khai thực hiện theo quy định và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính của đơn vị giai đoạn 2024-2025.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã; Trưởng phòng Nội vụ thị xã; Giám đốc kho bạc nhà nước thị xã; Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1 Quyết định này và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT (01).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Đức Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG YÊN

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2024-2025 ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC THỊ XÃ

(Kèm theo Quyết định số 7962 /QĐ-UBND ngày 13 /12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã)

Stt	Tên đơn vị	Phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đã được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 09/10/2024					Điều chỉnh phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025		
		Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2024	Đơn vị nhóm 3/Đơn vị nhóm 4	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2025	Đơn vị nhóm 3/Đơn vị nhóm 4	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2024-2025	Đơn vị nhóm	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)
I	KHOÍ MẦM NON								
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	12,4%	Đơn vị nhóm 3	6,8%	Đơn vị nhóm 4	5.950.974	6,9%	Đơn vị nhóm 4	6.320.224
2	Trường Mầm non Hà An	14,1%	Đơn vị nhóm 3	7,7%	Đơn vị nhóm 4	5.815.546	7,9%	Đơn vị nhóm 4	6.234.671
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	3,9%	Đơn vị nhóm 4	2,6%	Đơn vị nhóm 4	4.678.721	2,5%	Đơn vị nhóm 4	4.747.221
4	Trường Mầm non Minh Thành	12,5%	Đơn vị nhóm 3	6,8%	Đơn vị nhóm 4	6.404.069	7,0%	Đơn vị nhóm 4	6.807.444
5	Trường Mầm non Liên Vỹ	4,9%	Đơn vị nhóm 4	3,1%	Đơn vị nhóm 4	5.244.509	3,2%	Đơn vị nhóm 4	5.341.259
6	Trường Mầm non Phong Cốc	14,9%	Đơn vị nhóm 3	8,5%	Đơn vị nhóm 4	4.272.245	8,4%	Đơn vị nhóm 4	4.599.495
7	Trường Mầm non Phong Hải	13,2%	Đơn vị nhóm 3	7,2%	Đơn vị nhóm 4	4.620.628	7,4%	Đơn vị nhóm 4	4.928.628
8	Trường Mầm non Tiền An	4,8%	Đơn vị nhóm 4	3,7%	Đơn vị nhóm 4	5.361.998	3,2%	Đơn vị nhóm 4	5.449.248
9	Trường Mầm non Yên Giang	12,2%	Đơn vị nhóm 3	7,2%	Đơn vị nhóm 4	3.353.415	7,0%	Đơn vị nhóm 4	3.552.040
10	Trường Mầm non Đông Mai	12,7%	Đơn vị nhóm 3	6,9%	Đơn vị nhóm 4	6.257.405	7,1%	Đơn vị nhóm 4	6.654.655
11	Trường Mầm non Cẩm La	4,6%	Đơn vị nhóm 4	2,9%	Đơn vị nhóm 4	4.345.185	3,0%	Đơn vị nhóm 4	4.421.185
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	5,4%	Đơn vị nhóm 4	3,3%	Đơn vị nhóm 4	7.650.813	3,4%	Đơn vị nhóm 4	7.807.813
13	Trường Mầm non Liên Hòa	4,8%	Đơn vị nhóm 4	3,0%	Đơn vị nhóm 4	5.946.385	3,1%	Đơn vị nhóm 4	6.050.885
14	Trường Mầm non Nam Hòa	10,4%	Đơn vị nhóm 3	5,9%	Đơn vị nhóm 4	4.011.153	5,9%	Đơn vị nhóm 4	4.212.403

Stt	Tên đơn vị	Phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đã được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 09/10/2024					Điều chỉnh phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025		
		Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2024	Đơn vị nhóm3/Đơn vị nhóm 4	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2025	Đơn vị nhóm3/Đơn vị nhóm 4	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2024-2025	Đơn vị nhóm	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)
15	Trường Mầm non Sông Khoai	5,8%	Đơn vị nhóm 4	3,7%	Đơn vị nhóm 4	7.951.907	3,7%	Đơn vị nhóm 4	8.125.157
16	Trường Mầm non Tân An	12,4%	Đơn vị nhóm 3	7,1%	Đơn vị nhóm 4	4.124.071	7,0%	Đơn vị nhóm 4	4.376.071
17	Trường Mầm non Tiền Phong	4,4%	Đơn vị nhóm 4	2,5%	Đơn vị nhóm 4	1.918.383	2,9%	Đơn vị nhóm 4	1.950.133
18	Trường Mầm non Yên Hải	13,0%	Đơn vị nhóm 3	7,3%	Đơn vị nhóm 4	4.694.834	7,3%	Đơn vị nhóm 4	5.001.084
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	12,4%	Đơn vị nhóm 3	7,0%	Đơn vị nhóm 4	7.032.644	7,0%	Đơn vị nhóm 4	7.467.519
II	KHỐI TIỂU HỌC								
1	Trường Tiểu học Liên Vị	3,9%	Đơn vị nhóm 4	3,8%	Đơn vị nhóm 4	7.710.481	3,9%	Đơn vị nhóm 4	7.710.481
2	Trường Tiểu học Hà An	4,1%	Đơn vị nhóm 4	4,1%	Đơn vị nhóm 4	6.270.508	4,1%	Đơn vị nhóm 4	6.270.508
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	3,2%	Đơn vị nhóm 4	3,1%	Đơn vị nhóm 4	7.507.279	3,2%	Đơn vị nhóm 4	7.507.279
4	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	4,1%	Đơn vị nhóm 4	4,1%	Đơn vị nhóm 4	6.336.312	4,1%	Đơn vị nhóm 4	6.336.312
5	Trường Tiểu học Liên Hòa	3,7%	Đơn vị nhóm 4	3,7%	Đơn vị nhóm 4	6.836.791	3,7%	Đơn vị nhóm 4	6.836.791
6	Trường Tiểu học Minh Thành	3,0%	Đơn vị nhóm 4	3,0%	Đơn vị nhóm 4	11.994.119	3,0%	Đơn vị nhóm 4	11.994.119
7	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	4,2%	Đơn vị nhóm 4	4,1%	Đơn vị nhóm 4	9.766.304	4,2%	Đơn vị nhóm 4	9.766.304
8	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	3,3%	Đơn vị nhóm 4	3,2%	Đơn vị nhóm 4	6.895.229	3,3%	Đơn vị nhóm 4	6.895.229
9	Trường Tiểu học Nam Hòa	3,6%	Đơn vị nhóm 4	3,6%	Đơn vị nhóm 4	5.267.936	3,6%	Đơn vị nhóm 4	5.267.936
10	Trường Tiểu học Yên Giang	3,3%	Đơn vị nhóm 4	3,2%	Đơn vị nhóm 4	5.496.546	3,3%	Đơn vị nhóm 4	5.496.546
11	Trường Tiểu học Tiền An	4,0%	Đơn vị nhóm 4	3,9%	Đơn vị nhóm 4	6.373.311	4,0%	Đơn vị nhóm 4	6.373.311
12	Trường Tiểu học Tân An	3,6%	Đơn vị nhóm 4	3,6%	Đơn vị nhóm 4	5.323.858	3,6%	Đơn vị nhóm 4	5.323.858
13	Trường Tiểu học Đông Mai	3,2%	Đơn vị nhóm 4	3,0%	Đơn vị nhóm 4	8.699.526	3,2%	Đơn vị nhóm 4	8.699.526
14	Trường Tiểu học Phong Hải	3,9%	Đơn vị nhóm 4	3,7%	Đơn vị nhóm 4	6.246.143	3,9%	Đơn vị nhóm 4	6.246.143

Stt	Tên đơn vị	Phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đã được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 09/10/2024					Đề nghị điều chỉnh phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025		
		Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2024	Đơn vị nhóm 3/Đơn vị nhóm 4	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2025	Đơn vị nhóm 3/Đơn vị nhóm 4	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2024-2025	Đơn vị nhóm	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)
15	Trường Tiểu học Yên Hải	3,6%	Đơn vị nhóm 4	3,5%	Đơn vị nhóm 4	5.542.786	3,6%	Đơn vị nhóm 4	5.542.786
16	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	3,8%	Đơn vị nhóm 4	3,8%	Đơn vị nhóm 4	6.364.204	3,8%	Đơn vị nhóm 4	6.364.204
III	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ								
1	Trường Trung học cơ sở Đông Mai	14,4%	Đơn vị nhóm 3	4,5%	Đơn vị nhóm 4	5.900.744	4,5%	Đơn vị nhóm 4	6.582.344
2	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	14,6%	Đơn vị nhóm 3	4,5%	Đơn vị nhóm 4	6.049.984	4,5%	Đơn vị nhóm 4	6.759.184
3	Trường Trung học cơ sở Tiên An	5,1%	Đơn vị nhóm 4	2,3%	Đơn vị nhóm 4	5.438.086	2,3%	Đơn vị nhóm 4	5.599.436
4	Trường Trung học cơ sở Cộng Hòa	17,7%	Đơn vị nhóm 3	5,6%	Đơn vị nhóm 4	5.585.922	5,6%	Đơn vị nhóm 4	6.409.122
5	Trường Trung học cơ sở Phong Hải	13,9%	Đơn vị nhóm 3	4,4%	Đơn vị nhóm 4	4.864.303	4,4%	Đơn vị nhóm 4	5.404.303
6	Trường Trung học cơ sở Hà An	15,6%	Đơn vị nhóm 3	4,7%	Đơn vị nhóm 4	5.372.617	4,9%	Đơn vị nhóm 4	6.056.617
7	Trường Trung học cơ sở Nam Hòa	14,8%	Đơn vị nhóm 3	4,5%	Đơn vị nhóm 4	3.921.831	4,7%	Đơn vị nhóm 4	4.388.631
8	Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	15,1%	Đơn vị nhóm 3	4,6%	Đơn vị nhóm 4	7.100.384	4,7%	Đơn vị nhóm 4	7.969.184
9	Trường Trung học cơ sở Hiệp Hòa	5,9%	Đơn vị nhóm 4	2,6%	Đơn vị nhóm 4	7.928.984	2,6%	Đơn vị nhóm 4	8.206.884
10	Trường Trung học cơ sở Sông Khoai	5,1%	Đơn vị nhóm 4	2,3%	Đơn vị nhóm 4	5.524.040	2,3%	Đơn vị nhóm 4	5.691.340
11	Trường Trung học cơ sở Minh Thành	16,0%	Đơn vị nhóm 3	4,9%	Đơn vị nhóm 4	8.321.527	5,0%	Đơn vị nhóm 4	9.411.127
12	Trường Trung học cơ sở Liên Hòa	6,2%	Đơn vị nhóm 4	2,6%	Đơn vị nhóm 4	4.904.710	2,7%	Đơn vị nhóm 4	5.087.760
13	Trường Trung học cơ sở Liên Vị	6,6%	Đơn vị nhóm 4	2,7%	Đơn vị nhóm 4	5.880.457	2,9%	Đơn vị nhóm 4	6.114.607
14	Trường Trung học cơ sở Tân An	13,9%	Đơn vị nhóm 3	4,7%	Đơn vị nhóm 4	3.805.135	4,5%	Đơn vị nhóm 4	4.221.535
15	Trường Trung học cơ sở Yên Hải	14,1%	Đơn vị nhóm 3	4,3%	Đơn vị nhóm 4	4.186.800	4,3%	Đơn vị nhóm 4	4.662.000
IV	KHỐI TH&THCS								
1	Trường TH và THCS Tiên Phong	3,6%	Đơn vị nhóm 4	2,4%	Đơn vị nhóm 4	4.518.560	2,4%	Đơn vị nhóm 4	4.571.410

Stt	Tên đơn vị	Phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đã được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 5945/QĐ-UBND ngày 09/10/2024					Đề nghị điều chỉnh phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025		
		Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2024	Đơn vị nhóm 3/Đơn vị nhóm 4	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2025	Đơn vị nhóm 3/Đơn vị nhóm 4	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2024-2025	Đơn vị nhóm	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm 2024 năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị (nghìn đồng)
2	Trường TH và THCS Cẩm La	4,4%	Đơn vị nhóm 4	3,0%	Đơn vị nhóm 4	7.630.830	3,1%	Đơn vị nhóm 4	7.736.880
3	Trường TH và THCS Sông Khoai	3,9%	Đơn vị nhóm 4	2,7%	Đơn vị nhóm 4	6.917.662	2,8%	Đơn vị nhóm 4	6.996.762
4	Trường TH và THCS Hoàng Tân	3,9%	Đơn vị nhóm 4	2,6%	Đơn vị nhóm 4	6.568.109	2,6%	Đơn vị nhóm 4	6.651.409
5	Trường TH và THCS Phong Cốc	9,5%	Đơn vị nhóm 4	4,3%	Đơn vị nhóm 4	10.086.271	4,5%	Đơn vị nhóm 4	10.649.071